

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với
hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 51/HĐND-KTNS ngày 22/3/2016 về việc mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2016;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 482/STC-QLGCS ngày 07/3/2016 về việc ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2016, như sau:

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu: 3.000.000 đồng/ha/năm;
2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện: 4.000.000 đồng/ha/năm;
3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển: 5.000.000 đồng/ha/năm;
4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: vùng nước trước cầu cảng,

vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 6.000.000 đồng/ha/năm;

5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét: 7.500.000 đồng/ha/năm;

6. Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 3.000.000 đồng/ha/năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ban hành tại Điều 1 Quyết định này, cơ quan Thuế có trách nhiệm xác định và thông báo số tiền sử dụng khu vực biển đối với từng dự án cụ thể của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư Liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển và Quyết định này; nếu phát sinh vướng mắc thì các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Cục Thuế tỉnh để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Cục Thuế tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường;
- TT TƯ, TT UBND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), các Phòng N/c, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNIdv129.



Trần Ngọc Căng